

# **Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám Sát	14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17 - 18
Báo cáo tình hình tài chính	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính	26 - 64

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 124.596.866.300 đồng, tương đương với 12.459.686,63 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, theo quyết định số 961/QĐ-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận để thay đổi Ngân hàng giám sát và lưu ký. Theo đó, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức và hoàn tất việc bàn giao dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (Ngân hàng Standard Chartered). Kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư. Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Phạm Thị Phương Nhi	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2016
Bà Vũ Thị Niềm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính là Ông Avinash D. Satwalekar - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 18,36% và 7,00% so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	Có thể đến 100%
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 175.586.279.696 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 12.459.686,63 chứng chỉ quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Chỉ số chứng khoán bao gồm 100 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định ("VN100 Index").

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ và Ban Đại diện Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ: Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

#### 1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (%)
Danh mục chứng khoán	81,69	94,44
Tài sản khác	18,31	5,56
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	175.586.279.696	89.232.348.574
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	12.459.686,63	7.494.314,89
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	14.092,35	11.906,67
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.104,29	11.996,63
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	11.180,96	9.604,69
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	14.092,35	11.906,67
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.104,29	11.996,63
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	11.180,96	9.604,69
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ		
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (*)	18,36%	23,37%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	(19,92%)	(325,28%)
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,90%	3,20%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,4575	0,2560

(\*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng năm
1 năm	18,36%	18,36%
Từ khi thành lập	40,92%	15,63%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	7,00%	1,95%

### 4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	18,36%	23,37%

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

### 1. Tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội ("GDP") năm 2016 đạt 6,2%

Trong khi bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, trăn trở hạn chế tăng trưởng trong vòng 70 năm và khí hậu khắc nghiệt đã ảnh hưởng đến nông nghiệp. Giá dầu giảm dẫn đến doanh thu và sản lượng thấp. Những bất ổn phát sinh khác cũng xuất hiện nhiều trong năm 2016: sự kiện Brexit ở Châu Âu, quá trình bầu cử Tổng thống ở Mỹ với kết quả đi ngược lại với sự kỳ vọng trong tháng 11/2016, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng kỳ vọng. Sau mức tăng trưởng GDP đáng thất vọng được ghi nhận trong Quý 1 năm 2016, mức tăng trưởng GDP của Quý 2 tiếp tục dưới mức kỳ vọng, đạt 5,55% so với cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng Quý 1 được điều chỉnh tăng nhẹ từ 5,46% lên 5,48%. Đúng như dự đoán, GDP Quý 4/2016 tăng mạnh, đạt 6,7% so với cùng kỳ 2015, đưa tăng trưởng GDP cả năm 2016 lên mức 6,2%, tương đương mức dự báo vào giữa năm 2016.

Khu vực dịch vụ chiếm 40,9% GDP, tăng 7,0% so với năm trước, trong khi mức tăng trưởng năm 2015 chỉ đạt 6,3%. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 32,7% GDP, tăng 7,6% so với 9,6% của năm 2015. Ngành Khai khoáng tiếp tục kéo giảm tốc độ tăng trưởng của khối công nghiệp do ảnh hưởng của giá cả hàng hóa thấp, mức tăng trưởng giảm 4,0% trong năm 2016, trong khi mức tăng trưởng năm 2015 là 6,9%. Ngành Chế biến, Chế tạo giữ vững vai trò tăng trưởng chủ lực, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước (mức tăng trưởng của năm 2015 là 10,6%), tiếp theo đó là ngành Xây dựng với mức tăng trưởng 10,0% so với cùng kỳ năm trước (giảm so với mức tăng trưởng 10,8% trong năm 2015). Mặc dù PMI giảm sau khi đạt đỉnh 18 tháng trong tháng 11 năm 2016, chỉ số này vẫn nằm trong giới hạn tích cực. Khu vực Nông nghiệp chiếm 16,3% GDP, mặc dù đã phục hồi mạnh từ những tác động của khí hậu trong nửa đầu năm 2016, vẫn chỉ tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước (năm 2015: 2,4%), mức thấp nhất kể từ năm 2011.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 2. *Ngành chế biến, chế tạo, được hỗ trợ bởi FDI và khu vực Dịch vụ vẫn tăng trưởng tốt*

Những điểm tích cực trong tăng trưởng bao gồm (i) tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo vẫn giữ vững vai trò tăng trưởng chủ lực, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước, tương tự tốc độ tăng trưởng năm 2015, (ii) Khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 32,7% GDP, tăng 7,6% so với 9,6% của năm 2015, (iii) Khu vực dịch vụ chiếm 40,9% GDP, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước, trong khi năm 2015 chỉ đạt 6,3%. Thương mại là động lực tăng trưởng trong nhiều năm của Việt Nam và Việt Nam được đánh giá là quốc gia sẽ hưởng lợi nhiều nhất trong số các thành viên tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Tốc độ tăng trưởng mạnh của ngành chế biến, chế tạo không gây nhiều bất ngờ do PMI đã phục hồi ổn định từ tháng 4, đạt 52,3 trong tháng 4 và lần lượt đạt 52,6 và 52,7 trong tháng 5 và tháng 6, mặc dù PMI giảm sau khi đạt đỉnh 18 tháng trong tháng 11 năm 2016, chỉ số này vẫn nằm trong giới hạn tích cực. FDI - động lực tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo vẫn tăng trưởng tốt. Tuy rằng về nửa cuối năm 2016 vốn FDI được phê duyệt bắt đầu giảm so với cùng kỳ năm 2015, vốn FDI giải ngân vẫn tăng 9,0% so với cùng kỳ năm ngoái và ước tính đạt mức kỷ lục 15,8 tỷ USD, trong đó 71,3% tổng số vốn FDI được phê duyệt, tương ứng với 14,9 tỷ USD là các dự án trong ngành chế biến, chế tạo.

Trong khu vực Dịch vụ, khu vực đóng góp 40,9% GDP, một số ngành có mức tăng trưởng tích cực so với năm ngoái, như dịch vụ lưu trú và ăn uống, kinh doanh bất động sản, dịch vụ tài chính - ngân hàng và bảo hiểm.

### 3. *Nhu cầu trong nước tiếp tục tăng trưởng tốt, lạm phát tăng nhẹ*

Chỉ số niềm tin tiêu dùng tiếp tục duy trì tích cực kể từ khi niềm tin tiêu dùng tăng trở lại vào cuối năm 2014. Tăng trưởng thực của ngành bán lẻ đạt 7,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức 8,5% của năm 2015 nhưng vẫn tích cực, xét trong điều kiện khu vực nông nghiệp tăng trưởng thấp. Tin dụng vẫn tiếp tục được mở với mức tăng trưởng tín dụng đạt 18,7% so với cùng kỳ năm trước hỗ trợ cho đầu tư tăng trưởng mạnh. Tổng vốn đầu tư trong năm tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước lên 65,2 tỷ USD, tương ứng với 33,0% GDP, với khu vực tư nhân chiếm 39,0%, tiếp theo đó là khu vực nhà nước, chiếm 37,5% và giải ngân FDI chiếm 23,4% trong tổng vốn đầu tư.

### 4. *Chỉ số VN-Index*

VN-Index tăng 14,82% năm 2016, tăng cao hơn so với năm 2015 nhờ thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng mà một phần được tin rằng đã chảy vào thị trường chứng khoán, và giá dầu tăng sau khi chạm đáy vào giữa tháng 1 năm 2016 cũng như việc tri hoãn tăng lãi suất của FED cho đến cuối năm. Thị trường cũng được hỗ trợ bởi kỳ vọng vào giai đoạn tăng trưởng của chu kỳ kinh tế của Việt Nam, cùng với lạm phát thấp và tỷ giá ngoại tệ ổn định. Tuy nhiên, nếu không có hai cổ phiếu mới niêm yết là ROS và SAB, VN-Index chỉ tăng 7,61% trong năm 2016, không tăng nhiều so với 6,12% trong năm ngoái.

GAS, ROS, SAB và VNM đẩy thị trường tăng điểm trong năm 2016. Bốn chứng khoán này chiếm 93,0% trong tổng số điểm tăng của chỉ số năm 2016. Mặc dù giảm trong Quý 4 năm 2016, GAS vẫn tăng 82,2% trong năm 2016 nhờ sự phục hồi của giá dầu và VNM đã tăng 22,2% do chi phí đầu vào sửa bột thấp trong năm 2016.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

#### 5. Thanh khoản cả năm 2016 vẫn cao hơn 25% so với năm 2015

Cho cả năm 2016, tổng giá trị giao dịch của HSX đạt 602.023 tỷ VND, cao hơn 25% so với năm 2015. Như năm trước, các nhà đầu tư trong nước vẫn là thành phần tham gia chính trên thị trường, tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 14,8% tổng giá trị giao dịch mua của thị trường. Các nhà đầu tư trong nước cũng được hỗ trợ bởi thanh khoản dồi dào của hệ thống ngân hàng với lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng giảm từ 4,9% thời điểm đầu năm xuống dưới mức 1,0%/năm vào ngày 19/05/2016 và tiếp tục duy trì dưới 1,0%/năm trong phần lớn thời gian còn lại của năm cho đến khi cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ diễn ra vào tháng 11, là lúc lãi suất bắt đầu tăng trở lại và kết thúc năm tại mức 3,25%/năm, sau khi đạt đỉnh 4,85% vào giữa tháng 12 năm 2016.

Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên thị trường trong Quý 4 với 2.600 tỷ đồng. Trong cả năm 2016, họ đã bán ra 7.975 tỷ VND. Các cổ phiếu được các nhà đầu tư nước ngoài bán nhiều nhất là Vingroup (VIC) và Vinamilk (VNM).

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ:

#### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (*)	(19,92%)	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ (*)	18,36%	40,92%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	18,36%	15,63%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

(\*) Phân phần tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	175.586.279.696	89.232.348.574	96,77%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.092,35	11.906,67	18,36%

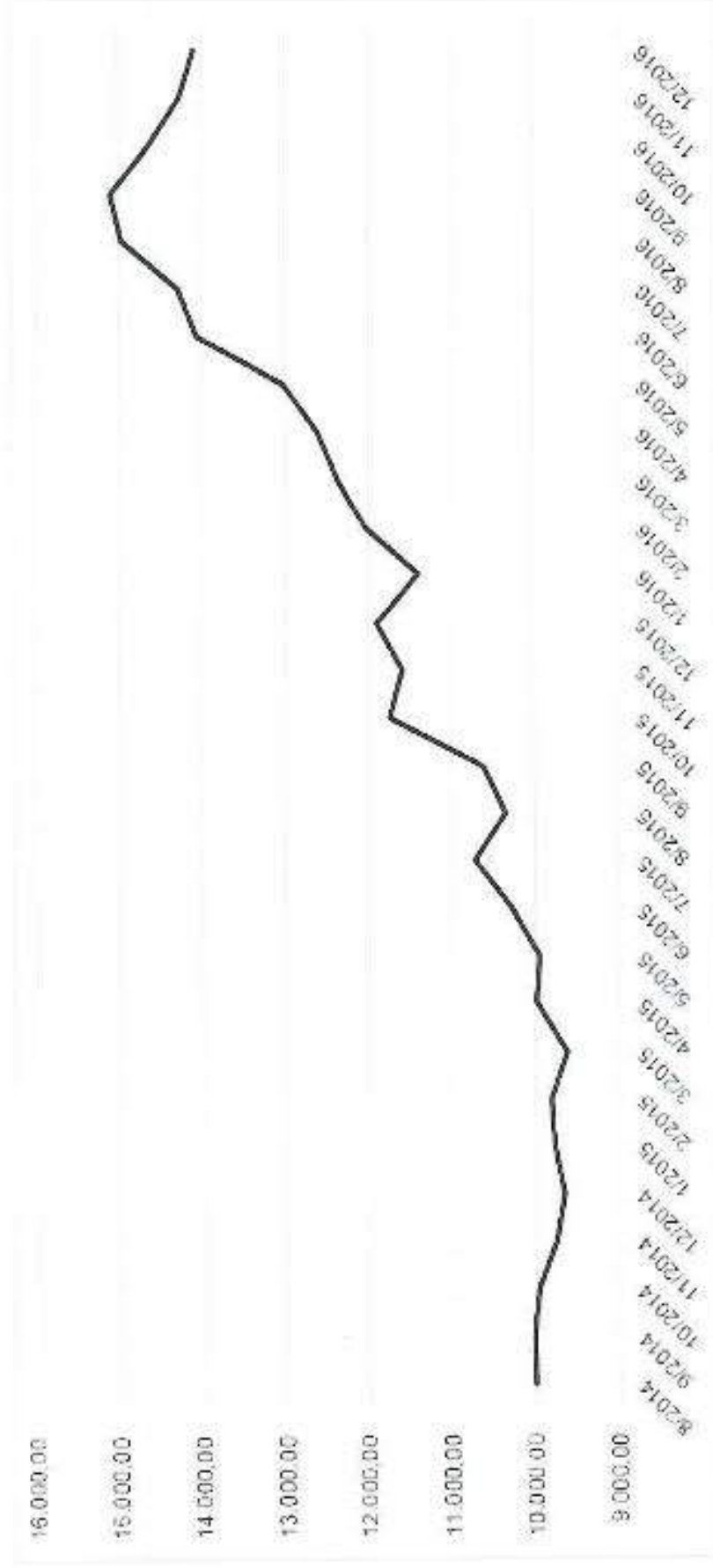
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chỉ tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	574	1.093.264,38	8,77%
Từ 5.000 - 10.000	104	723.938,25	5,81%
Từ 10.000 đến 50.000	78	1.667.841,26	13,39%
Từ 50.000 đến 500.000	24	2.375.698,49	19,07%
Trên 500.000	3	6.598.944,25	52,96%
<b>Tổng cộng</b>	<b>783</b>	<b>12.459.686,63</b>	<b>100,00%</b>

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

- (i) Mặc dù hiệp định TPP đã bị bãi bỏ và những chính sách thương mại của Mỹ có thể thay đổi, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá là khá vững chắc. Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho sản xuất và có kim ngạch xuất khẩu đa dạng. Người tiêu dùng trong nước lạc quan. Mặc dù điều kiện thời tiết không thể dự báo được một cách chính xác, việc tái diễn tình trạng thời tiết khắc nghiệt như năm 2016 được cho là khó xảy ra.
- (ii) FDI tiếp tục duy trì là động lực tăng trưởng chủ yếu trong năm tiếp theo: Tăng FDI thông qua các công ty vệ tinh, tăng tỷ lệ nội địa hóa.
- (iii) Việc Tập đoàn Điện tử Samsung tiếp tục đầu tư là một trong những yếu tố hỗ trợ. Samsung Display quyết định đầu tư thêm 2,5 tỷ USD vào dự án 4 tỷ USD hiện tại ở tỉnh Bắc Ninh. Tổ hợp Điện tử Tiêu dùng của Samsung rộng 70 ha ở quận 9 TP.Hồ Chí Minh với tổng đầu tư 1,4 tỷ USD, một trong bốn cơ sở sản xuất điện tử tiêu dùng lớn nhất toàn cầu của tập đoàn Samsung, sản xuất tivi SUHD, tivi 3D, máy giặt đã bắt đầu đi vào hoạt động trong nửa cuối năm 2016. Các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy này sẽ được xuất khẩu đến 30 - 40 quốc gia, hỗ trợ cho xuất khẩu, cảng và hậu cần.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

- (iv) Khi Samsung mở rộng kinh doanh tại Việt Nam, các nhà cung cấp của Samsung cũng đã tìm đến thị trường Việt Nam, đóng góp vào vốn FDI. Theo sau nhà máy điện tử tiêu dùng ở TP. Hồ Chí Minh, có khoảng 300 triệu USD vốn FDI khác đến từ các nhà cung cấp của Samsung cũng đã đến Việt Nam. Thêm vào đó, Samsung tiếp tục hỗ trợ các nhà cung cấp địa phương. Bên cạnh Samsung, Tập đoàn LG đã bổ sung thêm hơn 2 tỷ cam kết đầu tư vào Việt Nam trong năm 2016, sau dự án điện tử tiêu dùng của họ với tổng chi phí đầu tư là 1,5 tỷ USD tại Hải Phòng.
- (v) Chi phí ở Trung Quốc tăng - nguyên nhân chính hỗ trợ dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam. Không có Hiệp định TPP, FDI có thể bị ảnh hưởng khi một số dự án FDI trong vòng 2 năm qua đến từ lĩnh vực dệt may. Tuy nhiên, lý do chính cho dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam là sự gia tăng chi phí sản xuất ở Trung Quốc và các nhà sản xuất đang tìm kiếm quốc gia khác thay thế để giảm giá thành sản phẩm. Theo một báo cáo của Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered Bank, 42% người được chọn nói rằng họ sẽ di chuyển cơ sở sản xuất đến Việt Nam, tiếp đến là Campuchia với tỷ lệ lựa chọn là 25%. Nguyên nhân chủ yếu là do Việt Nam có thị trường trong nước rộng lớn và giá thành sản xuất thấp. Mặc dù mức lương cơ bản ở Việt Nam tăng trong một vài năm trở lại đây, nhưng việc di chuyển cơ sở sản xuất sang Việt Nam vẫn giúp các nhà sản xuất tiết kiệm được đến 22% tổng chi phí.
- (vi) Về dài hạn, những cam kết mạnh mẽ từ Chính phủ mới đối với tái cơ cấu nền kinh tế sẽ là động lực tăng trưởng: Theo Ngân hàng Phát Triển Châu Á trong bản trình bày về Nghịch lý Năng suất lao động tại Việt Nam, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lao động thấp của Việt Nam là do những đóng góp của các doanh nghiệp nhà nước ngày càng giảm xuống, trong khi các doanh nghiệp này tiếp tục sử dụng nguồn vốn lớn. Cam kết tư nhân hóa các công ty nhà nước của Chính phủ sẽ giúp cải thiện năng suất trong tương lai, giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong trung và dài hạn.
- (vii) Những bất ổn của thị trường toàn cầu trong bối cảnh lãi suất tăng và thâm hụt ngân sách là những mối lo ngại chủ yếu: Một vài vấn đề chúng tôi sẽ cần theo dõi kỹ lưỡng: (i) chính sách mới của Tổng thống Mỹ mới sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thương mại giữa Mỹ và Việt Nam và giữa Mỹ và Trung Quốc, bởi vì ảnh hưởng của những chính sách này sẽ tác động đến mối quan hệ thương mại giữa Trung Quốc với các nước láng giềng, bao gồm cả Việt Nam; (ii) Áp lực lãi suất tăng lên. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lãi suất sẽ không tăng quá mạnh trong thời gian ngắn; (iii) Thâm hụt ngân sách: theo Ngân hàng Thế giới, thâm hụt ngân sách và nợ công của Việt Nam năm 2016 được ước tính lần lượt là 6,5% và 64,8% GDP, những con số này đã vượt quá hoặc gần với giới hạn được đề ra bởi Quốc hội. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu cho cơ sở hạ tầng của Chính phủ, mà từ đó có thể trở thành nút thắt của tăng trưởng kinh tế.

Chúng tôi tiếp tục tin tưởng vào tiềm năng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam, tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để tăng tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu của các công ty được kỳ vọng hưởng lợi từ tiềm năng tăng trưởng dài hạn đó cho cả Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF (VCBF-TBF) và Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF (VCBF-BCF).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017.

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Dựa trên các báo cáo giám sát của Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Deutsche Bank AG"), là Ngân hàng giám sát của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016, Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, Deutsche Bank AG đã hoàn tất việc bàn giao dịch vụ ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVL"). Theo đó, SCBVL là ngân hàng giám sát của Quỹ kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016. Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Dựa trên các báo cáo giám sát của Deutsche Bank AG và hoạt động giám sát của SCBVL trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư trong năm 2016.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017.*

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Lê Sỹ Hoàng**

**Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Vũ Hương Giang**

**Phụ trách Bộ phận Giám sát**



Số tham chiếu: 61141024/18611278

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 17 đến trang 64, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004.1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP

B01-QM

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>21.436.440.855</b>	<b>19.573.119.993</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	14	4.787.960.322	3.153.940.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	15	818.113.183	154.845.793
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	16	18.167.858.110	3.618.487.366
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	(2.337.490.760)	12.645.846.834
10	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>180.764.284</b>	<b>60.050.850</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	180.764.284	60.050.850
20	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>3.639.494.223</b>	<b>2.443.718.333</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	27.1	2.489.474.834	1.486.221.445
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	27.2	341.347.853	306.493.761
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	27.2	244.200.000	277.175.060
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	27.2	45.257.243	39.104.206
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	27.2	99.150.879	49.286.938
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		18.952.573	10.195.417
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		132.000.000	110.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	19	269.110.841	165.241.506
23	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>17.616.182.348</b>	<b>17.069.350.810</b>
24	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>140.447.015</b>	<b>71.842.441</b>
24.1	5.1 Thu nhập khác	21	140.447.015	71.842.441
30	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>17.756.629.363</b>	<b>17.141.193.251</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		20.094.120.123	4.495.346.417
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(2.337.490.760)	12.645.846.834
40	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
41	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>17.756.629.363</b>	<b>17.141.193.251</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-QM



Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc - Khởi điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>32.222.890.240</b>	<b>4.848.484.314</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		6.760.228.221	2.848.484.314
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		25.462.662.019	2.000.000.000
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>5</b>	<b>145.076.039.250</b>	<b>85.046.039.200</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		145.076.039.250	85.046.039.200
	2.1a Cổ phiếu niêm yết		144.294.379.250	85.046.039.200
	2.2b Quyền mua chứng khoán		781.660.000	-
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>275.654.964</b>	<b>160.579.666</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		275.654.964	160.579.666
136	3.1a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		275.654.964	160.579.666
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>177.574.584.454</b>	<b>90.055.103.180</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	101.552.100	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	8	590.264.154	108.850.494
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.097.067	4.161.760
316	4. Chi phí phải trả	9	93.000.000	137.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	10	830.171.145	244.550.000
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	365.247.792	328.192.352
320	7. Phải trả, phải nộp khác		2.972.500	-
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.988.304.758</b>	<b>822.754.606</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=(I-II))</b>		<b>175.586.279.696</b>	<b>89.232.348.574</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		124.596.866.300	74.943.148.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	147.418.105.400	84.978.590.600
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(22.821.239.100)	(10.035.441.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		18.681.284.252	(262.300.107)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	32.308.129.144	14.551.499.781
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)</b>	<b>12</b>	<b>14.092,35</b>	<b>11.906,67</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-QM

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
004	1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	12.459.686,63	7.494.314,89



Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc - Khởi điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm</b>	<b>89.232.348.574</b>	<b>71.967.132.104</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>17.756.629.363</b>	<b>17.141.193.251</b>
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	17.756.629.363	17.141.193.251
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ</b>	<b>68.597.301.759</b>	<b>124.023.219</b>
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	86.334.540.210	10.848.351.687
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(17.737.238.451)	(10.724.328.468)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm</b>	<b>175.586.279.696</b>	<b>89.232.348.574</b>

Ông Lê Đình Bửu Triển  
 Phó Giám đốc - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vinash-Deepak Satwalekar  
 Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thủy Linh  
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>144.294.379.250</b>	<b>81,25%</b>
1	ACB	306.900	17.600	5.401.440.000	3,04%
2	ANV	178.810	5.550	992.395.500	0,56%
3	BCC	333.500	15.000	5.002.500.000	2,82%
4	BMP	17.000	191.000	3.247.000.000	1,83%
5	CAV	20.570	58.000	1.193.060.000	0,67%
6	DHG	56.050	98.000	5.492.900.000	3,09%
7	DGC	14.217	41.500	590.005.500	0,33%
8	DPR	134.250	37.000	4.967.250.000	2,80%
9	FCN	158.920	19.100	3.035.372.000	1,71%
10	FPT	243.640	44.000	10.720.160.000	6,04%
11	GAS	24.000	80.600	1.454.400.000	0,82%
12	HCM	200.000	27.200	5.440.000.000	3,06%
13	HDG	79.873	23.850	1.904.971.050	1,07%
14	KDC	93.880	36.350	3.412.538.000	1,92%
15	MBB	781.449	14.000	10.940.286.000	6,16%
16	NCT	44.180	89.000	3.932.020.000	2,21%
17	NSC	65.640	92.500	6.071.700.000	3,42%
18	NNG	116.100	10.200	1.184.220.000	0,67%
19	NT2	72.800	27.300	1.987.440.000	1,12%
20	PET	304.740	10.300	3.138.822.000	1,77%
21	PLC	58.750	27.600	1.566.300.000	0,88%
22	PNJ	6	66.500	399.000	0,00%
23	PGC	33.060	12.900	426.474.000	0,24%
24	POM	83.770	8.100	678.537.000	0,38%
25	PVD	99.006	20.700	2.049.424.200	1,15%
26	PVS	410.000	16.400	6.724.000.000	3,79%
27	PVT	305.910	11.600	3.548.556.000	2,01%
28	RAL	18.000	95.900	1.726.200.000	0,97%
29	SVC	27.000	48.000	1.296.000.000	0,73%
30	SVI	52.428	44.500	2.333.046.000	1,31%
31	TCL	120.530	28.900	3.483.317.000	1,96%
32	TCM	620.000	14.500	8.990.000.000	5,06%
33	TMS	820	52.900	43.378.000	0,02%
34	VHC	20.180	57.800	1.166.404.000	0,66%
35	VIT	100.500	26.400	2.653.200.000	1,49%
36	VNM	138.000	125.600	17.332.800.000	9,76%
37	VNR	134.400	21.200	2.849.280.000	1,61%
38	VSC	130.689	56.000	7.318.584.000	4,12%
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>1.057.314.964</b>	<b>0,60%</b>
1	Cổ tức, trái tức được nhận			225.600.000	0,13%
2	Phải thu lãi tiền gửi			50.054.964	0,03%
3	Quyền mua chứng khoán			781.660.000	0,44%
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>32.222.890.240</b>	<b>18,15%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			6.760.228.221	3,81%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			25.462.662.019	14,34%
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>177.574.584.454</b>	<b>100,00%</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04-QM



Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc - Khởi điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>17.756.629.363</b>	<b>17.141.193.251</b>
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</i>			
03	Lãi/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	2.337.490.760	(12.645.846.834)
04	(Giảm)/tăng chi phí trích trước		(44.000.000)	70.961.661
05	<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>20.050.120.123</b>	<b>4.566.308.078</b>
	Tăng các khoản đầu tư		(62.367.490.810)	(19.984.497.366)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(115.075.298)	(78.419.533)
10	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		101.552.100	(166.657.612)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		481.413.660	28.539.780
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		935.307	855.211
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		585.621.145	161.935.000
15	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	(189.459.523)
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		2.972.500	-
17	Tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		37.055.440	194.347.712
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(41.222.895.833)</b>	<b>(15.467.048.253)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	12	86.334.540.210	10.848.351.687
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	12	(17.737.238.451)	(10.724.328.468)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>68.597.301.759</b>	<b>124.023.219</b>
40	<b>III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>27.374.405.926</b>	<b>(15.343.025.034)</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>4.848.484.314</b>	<b>20.191.509.348</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		4.603.934.314	20.108.894.348
	Trong đó:			
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		2.000.000.000	15.991.509.414
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		244.550.000	82.615.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>32.222.890.240</b>	<b>4.848.484.314</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		31.389.746.595	4.603.934.314
	Trong đó:			
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		25.462.662.019	2.000.000.000
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		833.143.645	244.550.000
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>27.374.405.926</b>	<b>(15.343.025.034)</b>

Ông Lê Đình Bửu Triển  
 Phó Giám đốc - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
 Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thủy Linh  
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

#### Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tư nguyên, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

#### Ngân hàng giám sát và lưu ký

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHDLK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 cho đến ngày lập báo cáo này, theo quyết định số 961/QĐ-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận để thay đổi Ngân hàng giám sát và lưu ký. Theo đó, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức và hoàn tất việc bàn giao dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (Ngân hàng Standard Chartered). Kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 124.596.866.300 đồng, tương đương với 12.459.686,63 chứng chỉ quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào chứng khoán và giấy tờ có giá của một tổ chức phát hành có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có báo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quý, được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh số 3.4*).

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quý bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quý là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính được trình bày bằng VND.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B08-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> <li>- Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</li> </ul>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch) sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
8.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong năm) của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, sử dụng một trong các phương pháp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
9.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
10.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
12.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
<b>Các tài sản khác</b>		
14.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Quyền mua cổ phiếu*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

#### *Các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

#### 3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bằng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

#### 3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

#### 3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

##### (i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,9% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

##### (ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016: tối thiểu là 105.000.000 đồng mỗi năm, từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong năm định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

##### (iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016*

Trước ngày 8 tháng 3 năm 2016, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng). Từ ngày 8 tháng 3 năm 2016 phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 11.000.000 đồng mỗi tháng (bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ mỗi sáu tháng để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Số phí trả mỗi sáu tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước ngày 8 tháng 3 năm 2016 được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

*Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016*

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% \* Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016 tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng, từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

#### 3.9.3 Phí lưu ký

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016, phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,03% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

*Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016*

Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016, phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 210.000 đồng/giao dịch.

Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.11 Thuế (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

### 3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng (Thuyết minh 6)	25.462.662.019	2.000.000.000
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	5.927.084.576	2.603.934.314
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	833.143.645	244.550.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.222.890.240</b>	<b>4.848.484.314</b>

Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,4%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết	137.492.102.176	144.294.379.250	6.802.277.074
Quyền mua cổ phiếu (*)	-	781.660.000	781.660.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.492.102.176</b>	<b>145.076.039.250</b>	<b>7.583.937.074</b>

(\*) Đây là quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mã CAV với giá 20.000 đồng/cổ phiếu do Quỹ nắm giữ cổ phiếu này tại ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 12 tháng 12 năm 2016, giá thị trường cổ phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 58.000 đồng/cổ phiếu.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
<b>Phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>		
Dự thu cố tức (Thuyết minh 14)	225.600.000	160.013.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 15)	50.054.964	566.666
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>275.654.964</b>	<b>160.579.666</b>

Chi tiết các khoản dự thu cố tức như sau:

Mã chứng khoán	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
HCM	100.000.000	-
GAS	55.200.000	-
NT2	36.400.000	-
BMP	34.000.000	25.500.000
DPR	-	108.735.000
PNJ	-	25.778.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.600.000</b>	<b>160.013.000</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Số tiền gốc VND	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng (Thuyết minh 4)</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.068.560.971	1	5,40%	3.041.137
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.109.676.724	1	5,40%	5.548.064
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.089.184.867	1	5,40%	17.174.577
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.082.257.544	1	5,40%	4.161.048
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.013.500.000	1	5,40%	1.808.100
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.000.000.000	1	5,40%	7.650.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	2.049.715.670	1	4,40%	6.263.020
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1.049.766.243	1	5,40%	4.409.018
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.462.662.019</b>			<b>50.054.964</b>

7. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Mã chứng khoán	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
VIT	101.552.100	-

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối	416.239.276	54.425.247
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	174.024.878	54.425.247
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>590.264.154</b>	<b>108.850.494</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND
Phải trả chi phí kiểm toán	66.000.000	110.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.000.000</b>	<b>137.000.000</b>

**10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	<b>830.171.145</b>	<b>244.550.000</b>

**11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ**

	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	263.387.792	273.957.690
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000	4.344.669
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	12.760.000	2.100.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	12.100.000	23.100.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	11.000.000	21.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	-	3.689.993
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>365.247.792</b>	<b>328.192.352</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số dư cuối năm VND</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	8.497.859,06	6.243.951,48	14.741.810,54
Giá trị ghi theo mệnh giá	84.978.590.600	62.439.514.800	147.418.105.400
Thặng dư vốn	970.423.766	23.895.025.410	24.865.449.176
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	85.949.014.366	86.334.540.210	172.283.554.576
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	(1.003.544,17)	(1.278.579,74)	(2.282.123,91)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(10.035.441.700)	(12.785.797.400)	(22.821.239.100)
Thặng dư vốn	(1.232.723.873)	(4.951.441.051)	(6.184.164.924)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(11.268.165.573)	(17.737.238.451)	(29.005.404.024)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>7.494.314,89</b>	<b>4.965.371,74</b>	<b>12.459.686,63</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>74.680.848.793</b>	<b>68.597.301.759</b>	<b>143.278.150.552</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>14.551.499.781</b>	<b>17.756.629.363</b>	<b>32.308.129.144</b>
<b>NAV hiện hành</b>	<b>89.232.348.574</b>		<b>175.586.279.696</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>	<b>11.906,67</b>		<b>14.092,35</b>

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	24.724.192.070	4.630.071.947
Lợi nhuận chưa thực hiện ( <i>Thuyết minh 17</i> )	7.583.937.074	9.921.427.834
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.308.129.144</b>	<b>14.551.499.781</b>

14. CỔ TỨC

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Cổ tức thực nhận	4.562.360.322	2.993.927.000
Cổ tức dự thu ( <i>Thuyết minh 6</i> )	225.600.000	160.013.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.787.960.322</b>	<b>3.153.940.000</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

14. CỐ TỨC (tiếp theo)

Chi tiết cổ tức thực nhận trong năm như sau:

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
VNM	536.000.000	471.420.000
PVS	523.050.000	132.600.000
DPR	465.905.000	59.235.000
FPT	248.240.000	137.600.000
TCM	229.500.000	41.400.000
NT2	200.207.922	-
DHG	196.175.000	130.530.000
KDC	170.312.000	-
CAV	168.000.000	230.070.000
RAL	164.000.000	-
FCN	158.920.000	158.920.000
PET	157.214.000	-
VSC	142.563.400	87.074.000
PVT	136.000.000	-
VIT	129.900.000	-
NSC	123.540.000	111.490.000
VHC	111.710.000	-
SVI	104.856.000	87.380.000
SVC	96.600.000	158.592.000
BMP	76.500.000	98.600.000
TRA	75.750.000	73.650.000
GAS	60.000.000	20.400.000
NCT	60.000.000	-
PNJ	51.556.000	10.536.000
CTD	46.750.000	282.100.000
HDG	36.306.000	-
HCM	32.085.000	-
SGN	27.900.000	-
MWG	19.500.000	-
VGC	13.320.000	-
MBB	-	251.775.000
PLC	-	183.750.000
PVD	-	148.965.000
ACB	-	93.240.000
BCC	-	24.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.562.360.322</b>	<b>2.993.927.000</b>

15. TIỀN LÃI

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
<b>Tiền lãi thực nhận</b>	<b>768.058.219</b>	<b>154.279.127</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	740.747.772	140.109.474
Tiền gửi không kỳ hạn	27.310.447	14.169.653
<b>Tiền lãi dự thu</b>	<b>50.054.964</b>	<b>566.666</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6)	50.054.964	566.666
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>818.113.183</b>	<b>154.845.793</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

16. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2016			
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quần gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán trong năm nay	Lãi bán chứng khoán trong năm trước
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	<b>38.156.681.000</b>	<b>19.988.822.890</b>	<b>18.167.858.110</b>	<b>3.618.487.366</b>

17. CHÈNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Cổ phiếu niêm yết VND	Quyền mua cổ phiếu VND	Tổng cộng VND
Giá trị mua theo sổ kế toán	137.492.102.176	-	137.492.102.176
Giá thị trường	144.294.379.250	781.660.000	145.076.039.250
Chênh lệch đánh giá lại năm nay	6.802.277.074	781.660.000	7.583.937.074
Chênh lệch đánh giá lại năm trước	9.921.427.834	-	9.921.427.834
Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay	(3.119.150.760)	781.660.000	(2.337.490.760)

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	123.529.265	42.299.926
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	57.235.019	17.750.924
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.764.284</b>	<b>60.050.850</b>

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 27.1)	120.000.000	100.000.000
Chi phí tư vấn pháp lý	88.587.528	-
Chi phí quản lý dữ liệu	23.100.000	27.720.000
Phí Ngân hàng	15.411.313	7.425.306
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	10.000.000	5.000.000
Chi phí in ấn	-	17.767.200
Chi phí khác	12.012.000	7.329.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>269.110.841</b>	<b>165.241.506</b>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**20. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân trên thị trường		
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	38.950.717.000	120.512.989.500	32,32%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	24.599.965.500	120.512.989.500	20,41%	0,15%	0,15%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	22.485.294.000	120.512.989.500	18,66%	0,15%	0,15%
4	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	20.327.642.000	120.512.989.500	16,87%	0,15%	0,15%
5	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	Không liên quan	14.149.371.000	120.512.989.500	11,74%	0,15%	0,15%
<b>Tổng</b>			<b>120.512.989.500</b>		<b>100,00%</b>		

**21. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B05-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ	Tăng/(giảm)
	VND		tại ngày tính NAV	NAV/1CCQ
Kỳ 1/Tháng 1	87.827.764.535	7.494.314,89	11.719,25	-
Kỳ 2/Tháng 1	86.638.689.713	7.525.548,06	11.512,60	(206,65)
Kỳ 3/Tháng 1	84.582.345.981	7.564.851,18	11.180,96	(331,64)
Kỳ 4/Tháng 1	85.274.560.346	7.603.134,03	11.215,71	34,75
Kỳ cuối/Tháng 1	89.360.318.711	7.837.576,46	11.401,52	185,81
Kỳ 1/Tháng 2	88.052.820.079	7.837.576,46	11.234,69	(166,83)
Kỳ 2/Tháng 2	90.344.491.168	7.859.357,76	11.495,14	260,45
Kỳ 3/Tháng 2	92.232.220.880	7.878.982,26	11.706,10	210,96
Kỳ 4/Tháng 2	95.334.293.210	7.894.388,47	12.076,21	370,11
Kỳ cuối/Tháng 2	95.360.807.844	7.922.697,10	12.036,40	(39,81)
Kỳ 1/Tháng 3	96.331.676.119	7.922.697,10	12.158,94	122,54
Kỳ 2/Tháng 3	98.179.000.283	7.922.697,10	12.392,11	233,17
Kỳ 3/Tháng 3	98.594.567.486	7.946.543,73	12.407,22	15,11
Kỳ 4/Tháng 3	99.254.633.229	7.977.494,70	12.441,83	34,61
Kỳ 5/Tháng 3	100.626.152.695	7.986.350,99	12.599,76	157,93
Kỳ cuối/Tháng 3	98.822.733.931	7.989.851,05	12.368,53	(231,23)
Kỳ 1/Tháng 4	98.745.598.592	7.989.851,05	12.358,87	(9,66)
Kỳ 2/Tháng 4	102.033.908.095	7.960.309,22	12.817,83	458,96
Kỳ 3/Tháng 4	99.543.122.290	7.985.195,89	12.465,95	(351,88)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	VND	VND		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 4/Tháng 4	103.543.643.320		8.172.044,45	12.670,46	204,51	
Kỳ cuối/Tháng 4	103.515.607.664		8.206.737,50	12.613,49	(56,97)	
Kỳ 1/Tháng 5	103.495.150.784		8.206.737,50	12.610,99	(2,50)	
Kỳ 2/Tháng 5	103.349.092.688		8.205.785,45	12.594,66	(16,33)	
Kỳ 3/Tháng 5	106.087.759.814		8.247.579,06	12.662,89	268,23	
Kỳ 4/Tháng 5	106.456.927.797		8.296.763,73	12.831,13	(31,76)	
Kỳ cuối/Tháng 5	108.215.278.876		8.316.010,63	13.012,88	181,75	
Kỳ 1/Tháng 6	110.077.976.431		8.345.273,83	13.190,45	177,57	
Kỳ 2/Tháng 6	112.530.164.946		8.452.337,72	13.313,49	123,04	
Kỳ 3/Tháng 6	116.158.169.049		8.501.192,57	13.663,74	350,25	
Kỳ 4/Tháng 6	134.888.859.441		9.753.484,67	13.829,81	166,07	
Kỳ cuối/Tháng 6	140.019.463.834		9.956.880,59	14.062,58	232,77	
Kỳ 1/Tháng 7	142.030.480.454		9.956.880,59	14.264,55	201,97	
Kỳ 2/Tháng 7	145.728.672.925		10.125.385,60	14.392,40	127,85	
Kỳ 3/Tháng 7	143.666.216.752		10.013.796,24	14.346,82	(45,58)	
Kỳ 4/Tháng 7	143.273.588.922		10.099.621,50	14.186,03	(160,79)	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	VND	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ cuối/Tháng 7	144.239.000.327		10.087.284,19	14.299,09	113,06	
Kỳ 1/Tháng 8	141.230.219.531		10.087.284,19	14.000,81	(298,28)	
Kỳ 2/Tháng 8	144.028.056.273		10.194.981,25	14.127,34	126,53	
Kỳ 3/Tháng 8	151.794.651.030		10.388.724,14	14.611,48	484,14	
Kỳ 4/Tháng 8	154.525.303.720		10.530.723,05	14.673,76	62,28	
Kỳ 5/Tháng 8	159.020.381.659		10.742.422,84	14.803,02	129,26	
Kỳ cuối/Tháng 8	159.799.817.828		10.668.268,00	14.978,98	175,96	
Kỳ 1/Tháng 9	159.408.138.092		10.668.268,00	14.942,26	(36,72)	
Kỳ 2/Tháng 9	158.804.084.763		10.690.258,82	14.855,02	(87,24)	
Kỳ 3/Tháng 9	162.391.683.358		10.961.233,01	14.815,09	(39,93)	
Kỳ 4/Tháng 9	167.589.752.711		11.114.136,91	15.078,97	263,88	
Kỳ cuối/Tháng 9	169.289.605.353		11.208.043,55	15.104,29	25,32	
Kỳ 1/Tháng 10	167.875.521.899		11.208.043,55	14.978,12	(126,17)	
Kỳ 2/Tháng 10	167.026.257.166		11.208.043,55	14.902,35	(75,77)	
Kỳ 3/Tháng 10	172.012.222.275		11.518.873,88	14.933,07	30,72	
Kỳ 4/Tháng 10	169.651.858.071		11.593.868,37	14.632,89	(300,18)	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ cuối/Tháng 10	172.051.105.666	11.746.321,91	14.647,23	14,34
Kỳ 1/Tháng 11	171.816.339.107	11.746.321,91	14.627,24	(19,99)
Kỳ 2/Tháng 11	172.548.892.261	11.864.749,76	14.542,98	(84,26)
Kỳ 3/Tháng 11	172.091.723.017	11.930.834,26	14.424,11	(118,87)
Kỳ 4/Tháng 11	174.232.852.747	12.112.066,72	14.385,06	(39,05)
Kỳ 5/Tháng 11	173.100.646.363	12.191.309,96	14.198,69	(186,37)
Kỳ cuối/Tháng 11	174.621.507.497	12.230.547,48	14.277,48	78,79
Kỳ 1/Tháng 12	172.309.217.085	12.230.547,48	14.088,43	(189,05)
Kỳ 2/Tháng 12	170.059.336.215	12.337.174,56	13.784,30	(304,13)
Kỳ 3/Tháng 12	172.248.726.336	12.344.726,42	13.953,22	168,92
Kỳ 4/Tháng 12	172.064.175.603	12.397.583,00	13.878,64	(74,38)
Kỳ cuối/Tháng 12	175.586.279.696	12.459.686,63	14.092,35	213,51
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	131.694.183.273			

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

484,14

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

(2,50)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG (tếp theo)**

Giá trị tài sản rồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	NAV	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 1/Tháng 1	71.621.289.201	VND	7.456.906,88	9.504,69	-	
Kỳ 2/Tháng 1	71.763.680.984		7.459.967,88	9.619,83	15,14	
Kỳ 3/Tháng 1	72.944.604.978		7.459.967,88	9.778,13	158,30	
Kỳ 4/Tháng 1	73.265.916.466		7.470.326,67	9.807,59	29,46	
Kỳ 5/Tháng 1	72.957.744.072		7.470.326,67	9.766,33	(41,26)	
Kỳ 6/Tháng 1	73.070.519.733		7.485.493,21	9.761,61	(4,72)	
Kỳ 7/Tháng 1	73.521.743.202		7.485.493,21	9.821,89	60,28	
Kỳ 8/Tháng 1	73.857.547.174		7.483.482,06	9.869,40	47,51	
Kỳ cuối/Tháng 1	73.106.477.696		7.483.482,06	9.769,04	(100,36)	
Kỳ 1/Tháng 2	71.965.127.919		7.483.482,06	9.616,52	(152,52)	
Kỳ 2/Tháng 2	72.404.294.658		7.479.902,57	9.679,84	63,32	
Kỳ 3/Tháng 2	72.761.971.144		7.479.902,57	9.727,66	47,82	
Kỳ 4/Tháng 2	73.649.936.962		7.492.547,84	9.829,75	102,09	
Kỳ 5/Tháng 2	73.786.474.269		7.492.547,84	9.847,98	18,23	
Kỳ 6/Tháng 2	73.801.530.452		7.492.239,76	9.850,39	2,41	
Kỳ cuối/Tháng 2	73.505.006.408		7.492.239,76	9.810,81	(39,58)	
Kỳ 1/Tháng 3	74.370.414.406		7.492.239,76	9.926,32	115,51	
Kỳ 2/Tháng 3	75.008.393.071		7.492.437,21	10.011,21	84,89	
Kỳ 3/Tháng 3	74.797.940.397		7.492.437,21	9.983,12	(28,09)	
Kỳ 4/Tháng 3	74.415.061.432		7.478.223,33	9.950,90	(32,22)	
Kỳ 5/Tháng 3	74.121.124.880		7.478.223,33	9.911,59	(39,31)	
Kỳ 6/Tháng 3	73.622.602.606		7.465.459,48	9.861,76	(49,83)	
Kỳ 7/Tháng 3	72.418.076.554		7.465.459,48	9.700,41	(161,35)	
Kỳ 8/Tháng 3	72.410.736.735		7.465.459,48	9.699,43	(0,98)	
Kỳ cuối/Tháng 3	71.822.789.835		7.465.459,48	9.620,67	(78,76)	
Kỳ 1/Tháng 4	72.279.822.047		7.470.970,05	9.674,75	54,08	
Kỳ 2/Tháng 4	73.238.283.186		7.470.970,05	9.803,04	128,29	
Kỳ 3/Tháng 4	73.294.137.604		7.469.516,82	9.812,43	9,39	

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 4/Tháng 4	73.314.572.561	7.469.516.82	9.815,16	2,73	
Kỳ 5/Tháng 4	74.549.132.581	7.477.318,72	9.970,03	154,87	
Kỳ 6/Tháng 4	75.013.044.696	7.477.318,72	10.032,07	62,04	
Kỳ 7/Tháng 4	76.084.408.529	7.562.901,33	10.060,21	28,14	
Kỳ cuối/Tháng 4	75.575.513.690	7.562.901,33	9.992,92	(67,29)	
Kỳ 1/Tháng 5	75.557.192.287	7.562.901,33	9.990,50	(2,42)	
Kỳ 2/Tháng 5	74.118.468.874	7.562.901,33	9.800,26	(190,24)	
Kỳ 3/Tháng 5	74.207.379.033	7.552.618,01	9.825,38	25,12	
Kỳ 4/Tháng 5	73.006.291.585	7.552.618,01	9.666,35	(159,03)	
Kỳ 5/Tháng 5	73.689.452.165	7.557.525,09	9.750,47	84,12	
Kỳ 6/Tháng 5	72.597.695.035	7.557.525,09	9.606,01	(144,46)	
Kỳ 7/Tháng 5	74.341.518.837	7.559.677,96	9.833,95	227,94	
Kỳ 8/Tháng 5	74.766.839.439	7.559.677,96	9.890,21	56,26	
Kỳ 9/Tháng 5	75.275.209.907	7.564.536,58	9.951,06	60,85	
Kỳ cuối/Tháng 5	75.327.476.211	7.564.536,58	9.957,97	6,91	
Kỳ 1/Tháng 6	74.945.286.759	7.564.536,58	9.907,45	(50,52)	
Kỳ 2/Tháng 6	75.540.903.321	7.554.202,97	9.999,85	92,40	
Kỳ 3/Tháng 6	76.083.241.526	7.554.202,97	10.071,64	71,79	
Kỳ 4/Tháng 6	75.515.699.717	7.441.175,01	10.148,35	76,71	
Kỳ 5/Tháng 6	75.313.563.592	7.441.175,01	10.121,19	(27,16)	
Kỳ 6/Tháng 6	75.441.502.471	7.436.023,11	10.145,40	24,21	
Kỳ 7/Tháng 6	76.789.560.427	7.436.023,11	10.326,69	181,29	
Kỳ 8/Tháng 6	75.914.103.117	7.429.099,97	10.218,47	(108,22)	
Kỳ cuối/Tháng 6	76.287.271.330	7.429.099,97	10.268,70	50,23	
Kỳ 1/Tháng 7	77.284.817.112	7.432.522,42	10.398,19	129,49	
Kỳ 2/Tháng 7	78.444.369.317	7.432.522,42	10.554,20	156,01	
Kỳ 3/Tháng 7	77.586.429.334	7.400.447,14	10.484,01	(70,19)	
Kỳ 4/Tháng 7	78.466.644.004	7.400.447,14	10.602,95	118,94	
Kỳ 5/Tháng 7	77.898.327.025	7.411.751,22	10.510,11	(92,84)	
Kỳ 6/Tháng 7	77.668.652.476	7.411.751,22	10.479,12	(30,99)	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/1CCQ		Tăng/giảm NAV/1CCQ
	NAV	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 7/Tháng 7	79.497.590.880		7.414.566,13	10.721,81		242,69
Kỳ 8/Tháng 7	81.059.340.793		7.414.566,13	10.932,44		210,63
Kỳ 9/Tháng 7	80.234.147.149		7.416.367,90	10.818,52		(113,92)
Kỳ cuối/Tháng 7	79.589.230.626		7.416.367,90	10.731,56		(86,96)
Kỳ 1/Tháng 8	78.195.714.070		7.416.367,90	10.543,66		(187,90)
Kỳ 2/Tháng 8	79.398.532.569		7.440.719,93	10.670,81		127,15
Kỳ 3/Tháng 8	81.363.324.840		7.440.719,93	10.934,87		264,06
Kỳ 4/Tháng 8	80.151.410.752		7.458.135,98	10.746,84		(188,03)
Kỳ 5/Tháng 8	79.639.210.876		7.458.135,98	10.678,16		(68,68)
Kỳ 6/Tháng 8	78.678.697.071		7.453.605,63	10.555,79		(122,37)
Kỳ 7/Tháng 8	73.988.095.691		7.453.605,63	9.926,48		(629,31)
Kỳ 8/Tháng 8	77.036.293.489		7.465.156,52	10.319,44		392,96
Kỳ cuối/Tháng 8	77.341.774.540		7.465.156,52	10.360,36		40,92
Kỳ 1/Tháng 9	76.948.713.712		7.465.156,52	10.307,71		(52,65)
Kỳ 2/Tháng 9	76.729.675.288		7.541.597,79	10.174,19		(133,52)
Kỳ 3/Tháng 9	77.391.310.430		7.541.597,79	10.261,92		87,73
Kỳ 4/Tháng 9	78.413.716.234		7.543.985,24	10.394,20		132,28
Kỳ 5/Tháng 9	77.734.011.052		7.543.985,24	10.304,10		(90,10)
Kỳ 6/Tháng 9	78.290.023.180		7.571.422,00	10.340,20		36,10
Kỳ 7/Tháng 9	79.839.454.336		7.571.422,00	10.544,84		204,64
Kỳ 8/Tháng 9	80.055.662.142		7.559.640,62	10.589,87		45,03
Kỳ 9/Tháng 9	79.937.597.503		7.559.640,62	10.574,25		(15,62)
Kỳ cuối/Tháng 9	80.287.819.704		7.556.367,76	10.625,18		50,93
Kỳ 1/Tháng 10	80.712.492.663		7.556.367,76	10.681,38		56,20
Kỳ 2/Tháng 10	83.645.741.115		7.556.367,76	11.069,56		388,18
Kỳ 3/Tháng 10	83.714.882.872		7.559.315,17	11.074,40		4,84
Kỳ 4/Tháng 10	83.849.275.613		7.559.315,17	11.092,17		17,77
Kỳ 5/Tháng 10	85.550.005.784		7.579.586,58	11.266,89		194,72
Kỳ 6/Tháng 10	86.309.646.898		7.579.586,58	11.387,11		100,22
Kỳ 7/Tháng 10	87.110.684.575		7.576.040,83	11.498,18		111,07



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**22. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/1CCQ		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 8/Tháng 10	88.041.149.386		7.576.040,83	11.620,99		122,81
Kỳ 9/Tháng 10	89.081.337.432		7.575.060,77	11.759,81		138,82
Kỳ cuối/Tháng 10	88.906.431.062		7.575.060,77	11.736,72		(23,09)
Kỳ 1/Tháng 11	88.740.007.485		7.575.060,77	11.714,75		(21,97)
Kỳ 2/Tháng 11	89.064.684.013		7.579.058,70	11.751,41		36,66
Kỳ 3/Tháng 11	88.736.432.436		7.579.058,70	11.708,10		(43,31)
Kỳ 4/Tháng 11	90.286.864.582		7.581.400,80	11.908,99		200,89
Kỳ 5/Tháng 11	90.920.647.732		7.581.400,80	11.992,59		83,60
Kỳ 6/Tháng 11	84.318.372.749		7.028.501,73	11.996,63		4,04
Kỳ 7/Tháng 11	82.685.784.149		7.028.501,73	11.764,35		(232,28)
Kỳ 8/Tháng 11	82.491.152.107		7.023.279,77	11.745,38		(18,97)
Kỳ cuối/Tháng 11	81.451.489.220		7.023.279,77	11.597,35		(148,03)
Kỳ 1/Tháng 12	81.565.526.563		7.023.279,77	11.613,59		16,24
Kỳ 2/Tháng 12	82.999.042.132		7.123.696,51	11.651,11		37,52
Kỳ 3/Tháng 12	83.897.701.190		7.123.696,51	11.777,27		126,16
Kỳ 4/Tháng 12	84.045.669.511		7.264.373,37	11.569,56		(207,71)
Kỳ 5/Tháng 12	85.117.040.066		7.264.373,37	11.717,05		147,49
Kỳ 6/Tháng 12	88.594.349.314		7.423.689,64	11.934,00		216,95
Kỳ 7/Tháng 12	86.928.412.247		7.423.689,64	11.709,59		(224,41)
Kỳ 8/Tháng 12	87.478.724.128		7.474.382,06	11.703,80		(6,79)
Kỳ 9/Tháng 12	87.864.010.324		7.474.382,06	11.755,36		51,55
Kỳ cuối/Tháng 12	89.232.348.574		7.494.314,89	11.906,67		151,32
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	78.197.785.385					

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

(629,31)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

(0,98)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**23. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG**

**23.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Đến một năm	<b>12.459.686,63</b>	<b>7.494.314,89</b>

**24. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,90%	3,20%
Tốc độ vòng quay danh mục	45,75%	25,60%

**24.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**24.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

### 25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và quyền mua cổ phiếu của Quỹ là 145.076.039.250 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 14.548.743.925 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 14.548.743.925 đồng.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

#### (iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 25.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## 26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### *Tài sản tài chính*

- *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn, hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

**26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Tài sản tài chính (tiếp theo)**

► **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quý có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quý xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► **Các khoản cho vay và phải thu:**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Quý có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải đo suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**Nợ phải trả tài chính**

► **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.**

Là các khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả)
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quý xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**Nợ phải trả tài chính** (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền				
- Tiền gửi ngân hàng	6.760.228.221	6.760.228.221	6.760.228.221	2.848.484.314
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	25.462.662.019	25.462.662.019	25.462.662.019	2.000.000.000
Các khoản đầu tư				
- Cổ phiếu niêm yết	144.294.379.250	144.294.379.250	144.294.379.250	85.046.039.200
- Quyền mua chứng khoán	781.660.000	781.660.000	781.660.000	-
Các khoản phải thu	275.654.964	275.654.964	275.654.964	160.579.666
<b>Tổng cộng</b>	<b>177.574.584.454</b>	<b>177.574.584.454</b>	<b>177.574.584.454</b>	<b>90.055.103.180</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	101.552.100	101.552.100	101.552.100	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	590.264.154	590.264.154	590.264.154	108.850.494
Chi phí phải trả	66.000.000	66.000.000	66.000.000	110.000.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	830.171.145	830.171.145	830.171.145	244.550.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	365.247.792	365.247.792	365.247.792	328.192.352
Phải trả phải nộp khác	2.972.500	2.972.500	2.972.500	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.956.207.691</b>	<b>1.956.207.691</b>	<b>1.956.207.691</b>	<b>791.592.846</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

## 26. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

## 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

### 27.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

#### a) *Công ty Quản lý Quỹ*

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý Quỹ	<b>2.489.474.834</b>	<b>1.486.221.445</b>

#### b) *Thù lao của Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>120.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QJM

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ năm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ năm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	20,06%	2.500.000,00	33,36%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.743.027,88	13,99%	1.743.027,88	23,26%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.355.916,37 196.334,47	18,91% 1,57%	1.099.059,53 229.726,60	14,67% 3,07%
<b>Bên liên quan khác</b>		<b>6.795.278,72</b>	<b>54,54%</b>	<b>5.571.814,01</b>	<b>74,36%</b>
<b>Tổng cộng</b>					



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**27.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016:**

*Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng giám sát của Quỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2016.*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh một khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 105.000.000 đồng mỗi năm) và phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng) đến trước ngày 8 tháng 3 năm 2016, từ ngày 8 tháng 3 năm 2016 phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 11.000.000 đồng mỗi tháng (bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

**Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016:**

*Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng giám sát của Quỹ từ ngày 10 tháng 10 năm 2016.*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng).

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Ngân hàng Deutsche Bank AG VND	Ngân hàng Standard Chartered VND	Tổng cộng VND	Ngân hàng Deutsche Bank AG VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	269.842.922	71.504.931	341.347.853	306.493.761
Phí dịch vụ giám sát	207.900.000	36.300.000	244.200.000	277.175.060
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	45.257.243	-	45.257.243	39.104.206
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.039.828	-	11.039.828	49.286.938

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B06-QM

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**  
(tiếp theo)

**27.2 Các hợp đồng then chốt khác** (tiếp theo)

Trong năm, Quý đã ghi nhận phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng với số tiền là 88.111.051 đồng. Phí này được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thủy Linh  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2017